| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHÚ TÂN**<br>TỈNH CÀ MAU | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11-01-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thế Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Bùi Minh Thiệp.

2. Bà Trần Thị Hoài Yên.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2017/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 12 năm 2017, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1983 (có mặt).

Cư trú: Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Bà Võ Bích N (Võ Bích N), sinh năm 1984 (xin vắng mặt).

Cư trú: Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 11 năm 2017 và tại phiên tòa, ông Lê Thanh T trình bày: Vào năm 2003 ông và bà Võ Bích N chung sống với nhau như vợ chồng, đến nay không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Xét thấy cuộc sống chung không hòa hợp và không thể tìm được hạnh phúc nên ông yêu cầu ly hôn bà Võ Bích N. Về con chung, có một người tên là Lê Thanh N, sinh ngày 30-11-2006, hiện đang do ông nuôi dưỡng. Nay ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu bà Võ Bích N cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07-11-2017, bà Võ Bích N trình bày: Về thời gian sống chung với ông Lê Thanh T và không đăng ký kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng đúng như ông Lê Thanh T trình bày. Nay ông Lê Thanh T yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý. Về con chung, có một người tên là Lê Thanh N đúng như ông Lê Thanh T đã khai. Bà đồng ý giao con chung cho ông Lê Thanh T nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung là không có nên không yêu cầu giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc ông Lê Thanh T yêu cầu ly hôn bà Võ Bích N là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, bà Võ Bích N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà Võ Bích N là có cơ sở.

[2] Xét về hôn nhân, ông Lê Thanh T và bà Võ Bích N sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2003 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân giữa ông Lê Thanh T và bà Võ Bích N vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ vào quy định tại Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân giữa ông Lê Thanh T và bà Võ Bích N không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Ông Lê Thanh T và bà Võ Bích N không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung, có 01 người tên là Lê Thanh N, sinh ngày 30-11-2006, hiện đang do ông Lê Thanh T nuôi dưỡng. Ông Lê Thanh T và bà Võ Bích N thống nhất thỏa thuận giao con chung cho ông Lê Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng, bà Võ Bích N không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thỏa thuận về người nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa ông Lê Thanh T và bà Võ Bích N là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật. Đông thời Lê Thanh N cũng có nguyện vọng được sống cùng với ông Lê Thanh T. Từ đó, cần ghi nhận sự thỏa thuận về người nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa ông Lê Thanh T và bà Võ Bích N.

[4] Tài sản chung và nợ chung không có và các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Lê Thanh T chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 9, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Tuyên bố: Không công nhận ông Lê Thanh T và bà Võ Bích N (Võ Bích N) là vợ chồng.

2. Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Lê Thanh T và bà Võ Bích N như sau: Ông Lê Thanh T chịu trách nhiệm và tiếp tục nuôi dưỡng 01 người con chung tên là Lê Thanh N (giới tính nam), sinh ngày 30-11-2006. Ông Lê Thanh T không yêu cầu bà Võ Bích N cấp dưỡng nuôi con.

Bà Võ Bích N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Lê Thanh T phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006833 ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Ông Lê Thanh T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Lê Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Võ Bích N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thế Phương**